



MAC KIM RHONG
August 18th 1948

ĐOÀN ANH HỒNG
September 23th 1952

MAC KIM TOÀN RHONG
June 14th 1980

12 photos

QUESTIONNAIRE FOR ODF APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

o/c

BASIC IDENTIFICATION DATA

Lý lịch căn bản

Date August 18th 1984
ngày

Name : MAC KIM PHONG
Other names : None
Date/Place of birth: August 18th 1948 Khe Chanh - Quang Yen
Residence Address: 245/19 Ben Chuong Duong Phuong 21 Quan 1 TP/Ho Chi Minh
Mailing Address : 245/19 Ben Chuong Duong Phuong 21 Quan 1 - Ho Chi Minh City
Current Occupation : None

RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Bà con cùng đi với Tôi

: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you . List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W), or single (S)

Vợ/ Chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M) , đã ly dị (D), góa phụ/ góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name	Date of birth	Place of birth	sex	MS	Relationship
- <u>ĐOÀN ANH HỒNG</u>	<u>September 23th 1952</u>	<u>Saigon</u>			<u>WIFE</u>
- <u>MAC KIM TOAN PHONG</u>	<u>June 14th 1980</u>	<u>Saigon HOCHIMINH city</u>			<u>SON</u>
-	:	:	:	:	:
-	:	:	:	:	:
-	:	:	:	:	:

For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates marriage artificates (if married) , divorce decrees (if divorce), declare's death certificates (if widowed), Identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their ~~new~~ addresses in section I below)

RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

Closet relative in the U.S

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ .

Name : None
Relationship :
Address :

Closet relative in other foreign countries :

Bà con thân thuộc nhất ở nước khác :

Name : None
Relationship :
Address :

COMPLETE FAMILY LISTING (Living / Dead)

Toàn thể gia đình (Sống/chết)

- Father : MAC KIM CẦU (L)
- Mother : VŨ THỊ CÔNG (D)
- Former spouse : None
Vợ chồng trước (nếu có)
- Children :
 - 1).
 - 2).
 - 3).
 - 4).
- Siblings :
Anh chị em

Employment by U.S Government Agencies or other U.S organizations
of you or your spouse

1/. Name of person employed : None
Họ tên Nhân Viên

2/. Date From to :

- 1-
- 2-
- 3-
- 4-

3/. Title of (last) positions held :
chức vụ công việc

- 1-
- 2-
- 3-

4/. Agency/company/office
Sở/Hàng/văn phòng

- 1-
- 2-
- 3-

5/. Name of (last) supervisor
Tên họ người giám thị

- 1-
- 2-
- 3-

6/. Reason for leaving
lý do ra đi

- 1-
- 2-
- 3-

7/. Training for job in Vietnam

SERVICE WITH GVN OR RUMAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam

1/. Name of person serving : MAC KIM THONG
Họ tên người tham gia

2/. Date : October 1969 From: October 1969 To: April 1975

3/. Last rank : Navy Lieutenant Junior
Cấp bậc cuối cùng

4/. Ministry/office/Military unit : VN NAVY : Center Navy Supply
Bộ/Sở/Đơn vị/Binh chủng

- 5/. Name of supervisor/C.C : Navy Captain NGUYỄN GIA ĐÌNH
Họ tên người giám thị/Sĩ quan chỉ huy
- 6/. Reason for leaving : Looking for a best life
Lý do ra đi
- 7/. Name of american Advisors : LT Commander : YOUNG
Tên họ cố vấn Mỹ
- 8/. U.S training courses in Vietnam
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam None
- 9/. U.S awards or certificates :
Giấy khen hay chứng thư do Hoa Kỳ cấp : None

Please attach any copies of diplomas, Awards or certificates, if available, available ? yes No None
xin bạn kèm theo, bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư nếu có, bạn có hay không? có không

TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã được huấn luyện ở Ngoại Quốc

- 1/. Name of student/Trainee : MAC KIM PHONG
Họ tên sinh viên/ người được huấn luyện
- 2/. School or school Address : R.S.F at Guam (Navy Supply Depot at Guam)
Trường và địa chỉ nhà trường
- 3/. Date : From : October 1971 To : June 1972
- 4/. Description of courses :
Mô tả ngành học TO DRAW UP A PLAN MATERIAL ON THE SHIP
- 5/. Who paid for training :
Ai đài thọ chương trình huấn luyện MACV

Note : Please attach copies of diplomas or ordres, if available, Available ? Yes No
xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có, bạn có hay không ?
All the Diplomas were lost after April 30th 1975

REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã học tập cải tạo .

- 1/. Name of person in reeducation : MAC KIM PHONG
Tên họ người đi học tập cải tạo
- 2/. Total time in Reeducation : 02 years 11 months 25 days
- 3/. Still in Reeducation : yes No None

If released we must have a copy of your release certificates
Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại .

Any, additional remarks :

Ước chú phụ thuộc : - A copy of my release certificate

- Two Identification Cards
- A copie of birth my son
- A copie certificate marriage
- 12 photos of my family

Signature :

Date : August 18th 1984

MAC KIM PHONG

Please list here all Document attached to this questionnaire
Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này .

Thư báo thư
Số 50
Lâm Cao
Số báo thư
11-20-84

Trần Trọng Nghĩa
941 S. Catalina St.
Los Angeles, CA 90006

Kg Hội gia đình Từ Ngã Chín Tư,

Thưa quý Hội,

Chợ tôi vừa nhận được 1 Hồ Sơ xin visa VN tạm trú
tại Mỹ của 1 Cầm SQ Hải An. Được biết Quý Hội
hiện nay đang giúp đỡ nghệ nhân. Trích nhân cũng kể
khen nên chợ tôi mạo muội gửi Hồ Sơ này đến
quý Hội đề xin được giúp đỡ.

Ảnh kèm tờ CV xin gửi 1 phong bì ghi sẵn địa
chỉ và có ghi rõ tên đề quý vị tiện việc hồi
âm.

Trân trọng đề tạ Quý Hội và Cầu chúc việc làm
hiền ích của Quý Hội đạt được nhiều thành quả tốt
đẹp.

Kính,

Trần Trọng Nghĩa

IB:

- Hồ Sơ kèm với 12 tấm ảnh Ngã
và gia đình Ông Mạc Kinh Phụng

Xã, thị trấn :
Thị xã quận : ..MỘT...
Thành phố Tỉnh HỒ CHÍ MINH

7 IẤY KHAI SINH

[illegible]

Nam, Nĩ: Nam

Ngày mười bốn, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm tám mươi (14.6.1980)

Bệnh Viện Phụ Sản Thành phố Hồ Chí Minh

M R

ĐOÀN ANH HỒNG
1952.

Kinh

Nhân viên

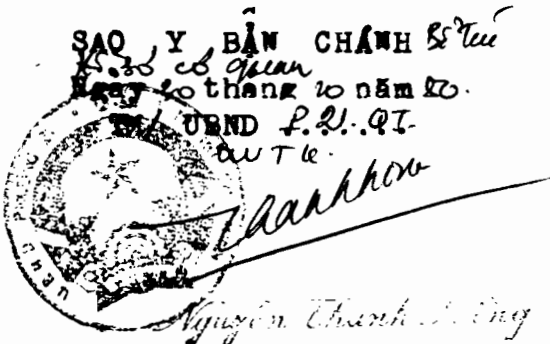
245/19 Bến Chương Dương
Quân Một

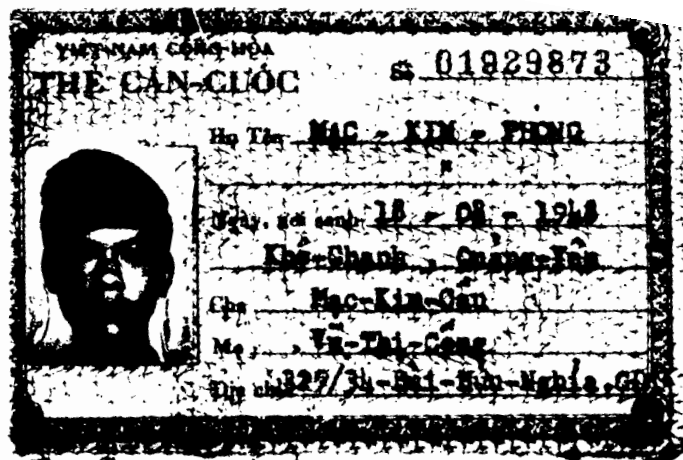
C/C 01929873

Đã ký ngày 23 tháng 6 năm 1980
Th/UBND Quân, một ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên, chức vụ)

(Đã đóng dấu và ký tên)

NGUYỄN VĂN KIỀU





Lưu vết riêng: -Chạm sọc cách 1 san cách mũi phải./-	Cao: 1 th 63 N.
Chữ ký đương sự:	Nặng: 44 Kg
QĐ-VẤP ngày 25/09/1969 TRƯỞNG-CHI CSQG QĐ-VẤP.	
 NGUYỄN-VĂN-NHIỀU	

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN-CƯỚC

ST. 00018972

Họ Tên: Trần Minh Công

Ngày sinh: 23-02-1952

Chức vụ: Trưởng-Ty CSQG

Đơn vị: Trưởng-Ty CSQG (S/Gon)



Dấu vết răng: Sọc dài ở giữa
sống mũi

Cao: 1 th 54

Nặng: 46 Kg

Chữ ký được xác: Trần Minh Công

Ngày: 07-12-1968

Tên Giám-Đốc CSQG: Trưởng-Ty CSQG Quan-Nhi

Trần-minh-Công
Quan-Trưởng-CS-Q

Ngón trỏ mặt

Ngón trỏ trái



1970

HUY VIÊM

1970



SAD Y BỐN CHANH

Thư này chỉ được dùng ng:
để hồ sơ của đương
ngày 22 tháng 10 năm 1968
Trưởng-Ty CSQG

NGUYỄN NHƠN MẠO

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận

Ngày

Tỉnh, Thành phố

Số 03

Quyển số 01/P2

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Mac Kim Phong

Doãn Anh Hoàng

Bi danh

Sinh ngày tháng

18-03-1948

23-09-1952

năm hay tuổi

31 tuổi

23 tuổi

Độc tộc

kinh

1

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Công nhân thi

Kế toán

công

Nơi đăng ký

Xã Đông Hưng,

245/19 Bến Chông -

nhân khẩu

huyện An Yên,

Thị trấn, phường 1,

thường trú

tỉnh Kiên Giang

quận 1, TP Hồ Chí Minh

Số giấy chứng minh nhập dân:

020272661

học kỳ chiếu

Đăng ký ngày 12 tháng 01 năm 1979

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

QUẢN

Đang ký

VIÊN THƯ-KÝ

NGUYỄN VĂN KIỀU

QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3049-QĐ

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên gác cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 7-201/LĐ ngày 26-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 37 - QĐ ngày 26-01-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: ĐẶC KHI THONG L19-T

Ngày, tháng, năm sinh: 1948

Quê quán: Qu. Yên

(+) Trú quán: 20/02 THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG KIỆT, QU. DI

Số lính, cán bộ, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: SA700.716-Trung y.

30 tỉ. 1800 tỉ. quân TT tiếp liên vụ.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: Thị thuộc Huyện,

Quận: Thị Tỉnh, Thành phố: Thị

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

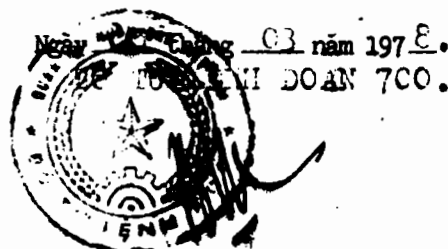
- Thời hạn quản chế: 1 năm

- Thời hạn đi đường: 1 năm ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 100000

(+) Đã được cấp tiền lương thực đi đường theo quy định của pháp luật.

Đã được cấp tiền lương thực đi đường.



Trưởng tá: NGUYỄN VĂN BÀN